

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành; Rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHYHN ngày 05/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý và đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý và đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo Đại học và Trường Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Quy định Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành; Rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa cấp II, Chuyên khoa cấp I và Bác sĩ nội trú của Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, các Quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trường phòng: ĐTDH, SĐH, HC, TCKT, các Viện Đào tạo, Khoa, Bộ môn, các đơn vị cá nhân có liên quan thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐTDH, SĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Y
HÀ NỘI
Nguyễn Hữu Tú

QUY ĐỊNH

**Xây dựng, thẩm định, ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng
chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10/11/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định tổ chức xây dựng chương trình đào tạo; Thẩm định ban hành chương trình đào tạo; Rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học của Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo là Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.
3. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
4. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Chuyên ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu có tính độc lập trong một ngành. Chuyên ngành đào tạo cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn sâu trong một ngành.

6. Mã ngành là chuỗi số liên tục gồm bảy chữ số, trong đó từ trái sang phải được quy định như sau: chữ số đầu tiên quy định mã trình độ đào tạo; hai chữ số thứ hai và thứ ba quy định mã lĩnh vực đào tạo; hai chữ số thứ tư và thứ năm quy định mã nhóm ngành đào tạo; hai chữ số cuối quy định mã ngành đào tạo.

7. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

8. Chuẩn chương trình đào tạo của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

9. Chuẩn chương trình đào tạo của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ tương ứng.

10. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

11. Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

12. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 8 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

13. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

14. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

15. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

16. Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

17. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

18. Chất lượng của chương trình đào tạo là sự đáp ứng Mục tiêu chung, Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật giáo dục đại học và của Khung trình độ Quốc gia, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành và xã hội.

19. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học là mức độ yêu cầu về những nội dung và Điều kiện mà chương trình đào tạo phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

20. Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học là việc thu thập, xử lý thông tin, đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá đối với toàn bộ các hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bản mô tả chương trình đào tạo; cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá kết quả học tập của người học; đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; đội ngũ nhân viên; người học và hoạt

động hỗ trợ người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra.

21. Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành, chuyên ngành tương ứng đối với mỗi trình độ đào tạo.

22. Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh một cơ sở giáo dục hoặc một chương trình đào tạo với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo được lựa chọn.

23. Các bên liên quan đến cơ sở giáo dục bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đơn vị/cá nhân hợp tác với Trường, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan.

24. Triết lý giáo dục là tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng theo mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

25. Quy trình đào tạo bao gồm xây dựng và áp dụng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và học tập (kể cả nghiên cứu khoa học), thực thi chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, tuyển sinh và cấp bằng tốt nghiệp.

26. Phương thức tổ chức đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khoá học, cho phép người học cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại; người học được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo; người học được đánh giá không đạt tiến độ học tập bình thường sẽ phải học cùng sinh viên khóa sau để học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

27. Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo; người học không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy; người học không đạt một học phần tự chọn sẽ phải

học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

28. Đơn vị đào tạo là Viện, Khoa, Bộ môn trực tiếp xây dựng chương trình và tổ chức dạy-học các học phần, Modul thuộc phạm vi chuyên môn được phân công của đơn vị.

29. Đơn vị quản lý đào tạo là phòng Quản lý Đào tạo Đại học và Phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

30. Người học là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Y Hà Nội và các cơ sở thực hành của Nhà trường gồm: sinh viên của chương trình đào tạo đại học, học viên của chương trình đào tạo trình độ sau đại học.

31. Cựu người học là những sinh viên, học viên đã hoàn thành các chương trình đào tạo của Nhà trường theo quy định và được cấp văn bằng ở các trình độ tham gia học tập.

Điều 3. Mục tiêu xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo

1. Phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với sứ mệnh của Trường Đại học Y Hà Nội.

2. Hoàn thiện và chuẩn hóa các chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam; tiếp cận các chương trình đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế.

Điều 4. Chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội

Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Các loại chương trình đào tạo áp dụng tại Trường gồm:

1. Các chương trình đào tạo theo ngành đào tạo thuộc trình độ đại học chính quy và vừa học vừa làm (người học được cấp văn bằng);

2. Các chương trình đào tạo theo từng chuyên ngành thuộc trình độ sau đại học bao gồm thạc sĩ định hướng nghiên cứu, thạc sĩ định hướng ứng dụng, tiến sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II (người học được cấp bằng);

3. Các chương trình đào tạo ngắn hạn, chương trình đào tạo y tế liên tục, chương trình đào tạo chuyên khoa sâu (người học được cấp chứng chỉ).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Thành phần của chương trình đào tạo

Xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo phải đảm bảo được các thành phần sau: Mục tiêu chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra; Chuẩn đầu vào; Bản mô tả chương trình đào tạo; Khung chương trình; Ma trận sự phù hợp chuẩn đầu ra học phần/modul với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Bản đối sánh chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo.

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

a. Mục tiêu chương trình là tuyên bố tổng quát về lý do tồn tại của chương trình, trong đó xác định mục tiêu tổng thể của chương trình đào tạo, bao gồm bối cảnh nghề nghiệp và sự nghiệp tương lai của người học khi tốt nghiệp.

b. Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phải được công bố ngay sau khi xây dựng và hoàn thiện, được thể hiện trong chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo gồm các nội dung sau:

- Tên ngành đào tạo;
- Trình độ đào tạo;
- Mục tiêu chương trình đào tạo;
- Chuẩn đầu ra;
- Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;
- Các chương trình, tài liệu, chuẩn tham khảo.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo mô tả thiết kế chương trình đào tạo để đáp ứng các mục tiêu, thể hiện qua những nguyên tắc và những dẫn chứng khoa học làm cơ sở cho việc thiết kế chương trình đào tạo. Bản mô tả chương trình đào tạo bao gồm đầy đủ và cập nhật thông tin của chương trình đào tạo gồm các nội dung sau:

- Thông tin chung về chương trình đào tạo;
- Mục tiêu chương trình đào tạo;
- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;
- Ma trận sự phù hợp giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;
- Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo;

- Khối lượng kiến thức;
- Cấu trúc nội dung chương trình đào tạo;
- Phương pháp dạy học;
- Đánh giá kết quả học tập;
- Đối sánh chương trình đào tạo;
- Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ;
- Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu;
- Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo;
- Tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo;
- Thời gian xây dựng/cập nhật.

3. Đề cương chi tiết học phần thể hiện mục đích, chuẩn đầu ra và nội dung do học phần đảm trách, bao gồm tuyên bố về vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo; thể hiện sự kết nối của học phần với các chuẩn đầu ra của chương trình (ma trận chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo); và các hoạt động dạy học và các đánh giá (ma trận phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, ma trận câu hỏi lượng giá/ chuẩn đầu ra học phần, ma trận kỹ năng). Đề cương chi tiết học phần bao gồm các nội dung sau:

- Trình độ đào tạo
- Chuyên ngành đào tạo
- Mã học phần
- Tên học phần
- Đơn vị và địa điểm giảng dạy
- Khối lượng học tập
- Thời điểm trong tiến trình đào tạo
- Loại học phần
- Mô tả tóm tắt về học phần
- Mục tiêu học phần
- Chuẩn đầu ra học phần
- Ma trận giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
- Cấu trúc nội dung học phần
- Phương pháp dạy học cho từng nội dung dạy - học
- Chính sách đối với học phần
- Phương pháp lượng giá học phần
- Tài liệu học tập chính
- Tài liệu tham khảo
- Giảng viên tham gia giảng dạy
- Thời gian cập nhật, chỉnh sửa đề cương chi tiết học phần

Điều 6. Chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

Chương trình đào tạo được xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học:

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

a) Phải nêu rõ kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo;

b) Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan;

c) Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a) Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo;

b) Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học;

c) Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác;

d) Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập chuẩn quốc tế của các Hiệp hội giáo dục y khoa trên thế giới;

e) Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực;

f) Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần;

g) Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

a) Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt chương trình đào tạo;

b) Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;

c) Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 trở lên: Theo quy định của Bộ Y tế

d) Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập;

e) Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

4. Khối lượng học tập

a) Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

- Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

b) Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

- Chương trình đào tạo đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành;

- Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

- Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

c) Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

a) Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

- Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo;

- Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

- Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

- Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

b) Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

c) Yêu cầu đối với chương trình đào tạo đại học

Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành;

d) Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 trở lên: Tuân thủ theo các yêu cầu của Bộ Y tế, trong đó yêu cầu khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ.

e) Yêu cầu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ:

- Định hướng nghiên cứu: khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác;

- Định hướng ứng dụng: thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đề án hoặc dự án.

f) Yêu cầu đối với chương trình đào tạo tiến sĩ:

- Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

- Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

- Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

6. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

a) Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

b) Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

c) Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

7. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

a) Chuẩn chương trình phải quy định những yêu cầu tối thiểu về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

b) Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;
- Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

- Ngoài ra các yêu cầu đối với chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 trở lên cần tuân thủ các quy định của Bộ Y tế

c) Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ:

- Giảng viên có trình độ tiến sĩ;

- Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- Có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình;

- Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

d) Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ:

- Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt;

- Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu;

- Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

8. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Có đủ những yêu cầu tối thiểu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

Điều 7. Nguyên tắc xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo

1. Tuân thủ theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và các quy định của nhà Trường;

2. Phải đảm bảo tính khoa học, hệ thống và tính kế thừa của các chương trình đào tạo hiện hành;

3. Chương trình đào tạo được xây dựng và hoàn thiện đảm bảo tính kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó.

4. Các chương trình đào tạo phải đảm bảo cấu trúc và tỷ lệ các khối kiến thức thống nhất trong toàn trường đối với từng trình độ đào tạo.

Điều 8. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo

1. Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại điều 6, chương II của Quy định này, chuẩn chương trình đào tạo của các ngành, khối ngành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

3. Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề

nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn;

4. Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

5. Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần;

6. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra;

7. Có quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo;

8. Được Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo có ý kiến thông qua trước khi ban hành.

Chương III

TỔ CHỨC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH, RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Ban chỉ đạo xây dựng/rà soát và công bố chuẩn đầu ra

1. Ban chỉ đạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Đơn vị đào tạo và Đơn vị quản lý đào tạo.

2. Cơ cấu Ban chỉ đạo gồm: Hiệu trưởng, Hiệu phó phụ trách đào tạo, Hiệu phó phụ trách tài chính, trưởng Đơn vị quản lý đào tạo, trưởng các Đơn vị đào, các chuyên gia thuộc các Đơn vị đào tạo hoặc đại diện.

3. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo:

a) Xây dựng và chỉ đạo triển khai kế hoạch xây dựng/rà soát cập nhật và công bố chuẩn đầu ra;

b) Phân công và giám sát triển khai kế hoạch xây dựng/rà soát và công bố chuẩn đầu ra;

c) Tổ chức thẩm định và công bố chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ Đại học và sau đại học.

Điều 10. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

1. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Đơn vị đào tạo và Đơn vị quản lý đào tạo.

2. Cơ cấu và yêu cầu về thành phần Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

a) Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên.

b) Yêu cầu về thành phần Hội đồng gồm:

- Đại diện giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

- Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo;

- Đại diện lãnh đạo Đơn vị quản lý đào tạo trực tiếp tham gia quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

c) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo:

- Đối với giảng viên (cơ hữu hoặc thỉnh giảng): am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

- Đối với chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học: có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và uy tín chuyên môn trong ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực phát triển chương trình đào tạo.

d) Trách nhiệm của Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo gồm Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần theo quy định;

- Hướng dẫn giảng viên xây dựng, cập nhật Đề cương chi tiết học phần và tổ chức thẩm định Đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 11. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

1. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (gồm Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần) do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Đơn vị đào tạo và Đơn vị quản lý đào tạo.

2. Cơ cấu Hội đồng thẩm định:

- Số thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm: Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động; Chủ tịch Hội đồng là thành viên Hội đồng khoa học và Đào tạo của nhà trường

- Các thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo không tham gia Hội đồng thẩm định;

- Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài và trong nước đúng chuyên ngành tham gia Hội đồng thẩm định.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Các thành viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành, chuyên ngành đào tạo với chương trình đào tạo cần thẩm định;

b) Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo tham gia làm ủy viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

c) Trường hợp chương trình cần thẩm định thuộc ngành, chuyên ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định (trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động).

4. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

a) Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo theo quy định;

b) Trường hợp thẩm định chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của trường Đơn vị quản lý đào tạo. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phải nêu rõ chức danh, trình độ đào tạo, đơn vị công tác của từng thành viên hội đồng.

Điều 12: Hội đồng rà soát, cập nhật chương trình đào tạo

1. Hội đồng rà soát, cập nhật chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Đơn vị đào tạo và Đơn vị quản lý đào tạo.

2. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng rà soát, cập nhật chương trình đào tạo áp dụng như Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

3. Trách nhiệm của Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo

a) Tổ chức đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo theo quy định;

b) Hướng dẫn giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học xây dựng, cập nhật đề cương học phần và tổ chức thẩm định đề cương học phần theo quy định.

Điều 13: Hội đồng phát triển chương trình giáo dục đại học

1. Hội đồng phát triển chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Đơn vị đào tạo và Đơn vị quản lý đào tạo.

2. Cơ cấu Hội đồng phát triển chương trình giáo dục đại học

a) Số thành viên Hội đồng phải là số lẻ, ít nhất có 05 thành viên gồm: Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên.

b) Thành phần thành viên gồm: Đại diện lãnh đạo Đơn vị quản lý đào tạo, đại diện lãnh đạo các phòng/ban chức năng liên quan, trưởng các Đơn vị đào tạo; các giảng viên có kinh nghiệm trong giảng dạy; chuyên gia giáo dục.

3. Chức năng và nhiệm vụ

a) Chức năng

- Tham mưu cho Nhà trường định hướng phát triển chương trình khối kiến thức giáo dục trong các chương trình đào tạo;

- Tổ chức cập nhật, phát triển chương trình khối kiến thức giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo, trình độ đào tạo.

b) Nhiệm vụ

- Tổ chức nghiên cứu định hướng phát triển và nội dung chương trình khối kiến thức giáo dục của các trường đại học trong và ngoài nước để đề xuất vận dụng tại Trường. Tư vấn hoạt động nghiên cứu khoa học;

- Đề xuất khung chương trình khối kiến thức giáo dục; danh mục các học phần phù hợp với yêu cầu đào tạo của các nhóm ngành, chuyên ngành;

- Đề xuất hệ thống cơ sở vật chất, tài liệu nhằm phục vụ cho hoạt động dạy và học;

- Tổ chức xây dựng và nghiệm thu chương trình các học phần;

- Họp phiên toàn thể ít nhất 1 lần/1 học kỳ, các phiên họp khác tùy theo điều kiện cụ thể.

Điều 14. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra

Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra được thực hiện theo trình tự các bước cụ thể như sau:

1. Bước 1: Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra.

2. Bước 2. Ban chỉ đạo tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các Đơn vị đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra của các ngành/chuyên ngành thuộc đơn vị quản lý.

3. Bước 3: Đơn vị đào tạo tổ chức xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan và hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra của từng ngành/chuyên ngành đào tạo theo góp ý.

4. Bước 4: Đơn vị đào tạo gửi dự thảo chuẩn đầu ra để lấy ý kiến và tập hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

5. Bước 5: Đơn vị đào tạo hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra theo góp ý của các bên liên quan, Báo cáo và hoàn thiện chuẩn đầu ra theo góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường và nộp dự thảo chuẩn đầu ra về Đơn vị quản lý đào tạo.

6. Bước 6: Đơn vị quản lý đào tạo công bố dự thảo chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo trên trang thông tin của Nhà trường để các bên liên quan trong và ngoài trường đóng góp ý kiến và hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra theo góp ý.

7. Bước 7: Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với Đơn vị đào tạo tổ chức Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra.

8. Bước 8: Đơn vị đào tạo hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra theo góp ý của Hội đồng thẩm định. Nộp Chuẩn đầu ra hoàn thiện về Đơn vị quản lý đào tạo hoàn thiện thủ tục trình Hiệu trưởng ký ban hành chuẩn đầu ra ngành/chuyên ngành đào tạo.

9. Bước 9: Chuẩn đầu ra được đăng trên trang thông tin của Nhà trường và được truyền thông rộng rãi đến người học.

Điều 15. Quy trình rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra

1. Định kỳ từ 2 - 3 năm, đơn vị đào tạo phải tổ chức rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra ngành, chuyên ngành đào tạo.

2. Quy trình hoàn thiện chuẩn đầu ra ngành, chuyên ngành đào tạo như sau:

a. Bước 1: Đơn vị đào tạo xây dựng đề xuất rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra ngành, chuyên ngành thuộc phạm vi chuyên môn của đơn vị. Đơn vị quản lý đào tạo tập hợp đề xuất từ tất cả các Đơn vị đào tạo, xây dựng Kế hoạch rà soát chuẩn đầu ra, Hội đồng và các Ban chuyên môn rà soát chuẩn đầu ra trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

b. Bước 2: Đơn vị đào tạo tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc chuẩn đầu ra, cách thức triển khai kế hoạch rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra và phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban chuyên môn tiến hành rà soát và hoàn thiện chuẩn đầu ra ngành, chuyên ngành do đơn vị phụ trách.

c. Bước 3: Đơn vị đào tạo xây dựng phiếu thu thập thông tin, tổ chức thu thập thông tin phản hồi về chuẩn đầu ra từ các bên liên quan, tập hợp các ý kiến phản hồi, cập nhật và hoàn thiện chuẩn đầu ra cho ngành, chuyên ngành đào tạo theo ý kiến góp ý và nộp về Đơn vị quản lý đào tạo.

d. Bước 4: Đơn vị quản lý đào tạo tập hợp chuẩn đầu ra cho ngành, chuyên ngành đào tạo từ các Đơn vị đào tạo, trình xin ý kiến Hội đồng Khoa học đào tạo Nhà trường.

e. Bước 5: Đơn vị đào tạo tổ chức hội thảo xin ý kiến góp ý từ các bên liên quan; Đối chiếu chuẩn đầu ra với các tiêu chí kiểm định chất lượng đào tạo và yêu cầu vị trí công việc của ngành học; hoàn thiện chuẩn đầu ra và hồ sơ rà soát chuẩn đầu ra nộp về Đơn vị quản lý đào tạo.

f. Bước 6: Đơn vị quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng ký công bố chuẩn đầu ra ngành, chuyên ngành đào tạo sau khi hoàn thiện cập nhật, chỉnh sửa. Chuẩn đầu ra được đăng trên trang thông tin của Nhà trường và được truyền thông rộng rãi đến người học.

Điều 16. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo (bao gồm xây dựng Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo) được triển khai theo trình tự như sau:

1. Đơn vị đào tạo phối hợp với Đơn vị quản lý đào tạo lập kế hoạch xây dựng và đề xuất thành lập Hội đồng và các Ban chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo.

2. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo trình tự các bước cụ thể sau:

Bước 1: Tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo, khảo sát các nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp kết hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dựa trên kết quả Bước 1 gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng nội dung chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và đáp ứng các quy định của Trường.

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và ngoài nước; với chương trình đào tạo cùng ngành, chuyên ngành nhưng ở trình độ khác của Trường để hoàn thiện chương trình đào tạo.

Bước 5: Tổ chức xây dựng, cập nhật và thẩm định các đề cương học phần của chương trình đào tạo.

Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan về dự thảo chương trình đào tạo.

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng.

- Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định chương trình đào tạo theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường tổ chức nghiệm thu chương trình đào tạo.
- Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hoàn chỉnh chương trình đào tạo; và đề nghị bằng văn bản tới Hiệu trưởng về việc đầu tư các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 17. Thẩm định chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

1. Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn chương trình đào tạo, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

2. Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (gồm Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần) căn cứ vào các quy định hiện hành để thẩm định và kết luận về chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được coi là đạt yêu cầu khi có tối thiểu 4/5 thành viên có mặt bỏ phiếu thông qua Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ theo một trong các phương án sau:

- a) Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung.
- b) Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung.
- c) Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua.

3. Trường hợp thẩm định chương trình đào tạo để phục vụ mở ngành, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế của Trường đã được xác nhận để đánh giá và kết luận Trường có đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành hay không. Đồng thời kiểm tra cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học: máy móc, thiết bị thí nghiệm, điều kiện thực hành, thực tập lâm sàng, điều kiện thực tế cộng đồng..., Hội đồng thẩm định kiểm tra thực tế trước khi kết luận.

4. Cuộc họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo phải được ghi thành biên bản, trong đó có kết quả biểu quyết và kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, có chữ ký của các thành viên hội đồng và đóng dấu của Trường.

5. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo tổ chức thẩm định theo hướng dẫn của Trường.

Điều 18. Tổ chức rà soát và cập nhật chương trình đào tạo

1. Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với Đơn vị đào tạo lập kế hoạch rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ít nhất 2 năm một lần và thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.

2. Hội đồng rà soát, cập nhật chương trình đào tạo (gồm rà soát Bản mô tả chương trình và Đề cương chi tiết học phần) triển khai thực hiện theo trình tự các bước như sau:

a) Bước 1: Lập kế hoạch rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.

b) Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Trường về ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn; thay đổi về phương pháp giảng dạy; phương pháp lượng giá; tài liệu dạy học; vật liệu dạy học...).

c) Bước 3: Xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; đối sánh với các chương trình đào tạo khác trong nước và ngoài nước.

d) Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo.

e) Bước 5: Hội đồng Khoa học đào tạo của Trường xem xét thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo. Nếu cần thiết, Hội đồng Khoa học đào tạo Trường đề nghị Hiệu trưởng tổ chức thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật theo quy định tại Điều 17 của Quy định này.

Điều 19: Phát triển chương trình đào tạo

1. Phát triển chương trình là quá trình được thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng chương trình; bao gồm công tác nghiên cứu, biên soạn, thực hiện, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện.

2. Nhà trường giao Đơn vị quản lý đào tạo làm đầu mối xây và định kỳ xây dựng kế hoạch cập nhật, phát triển chương trình giáo dục. Các Đơn vị đào tạo phối hợp cùng Đơn vị quản lý đào tạo đối với chương trình thuộc đơn vị quản lý.

3. Tháng 12 hàng năm, Đơn vị đào tạo đề xuất với Đơn vị quản lý đào tạo về việc bổ sung học phần tự chọn, điều chỉnh hoặc cập nhật học phần đã có. Sau một quá trình đào tạo nếu học phần không đáp ứng yêu cầu hoặc không có nhiều người học lựa chọn, sẽ xem xét để tổ chức hoàn thiện hoặc đưa ra khỏi chương trình.

4. Hằng năm, nếu thật sự cần thiết phải cập nhật nội dung chương trình cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, với thực tế và sự tiến bộ khoa học, công nghệ thì Đơn vị đào tạo đề xuất thực hiện các thủ tục theo quy định hướng dẫn của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 20. Tổ chức đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Yêu cầu đánh giá chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được cơ sở đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Đánh giá chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định hiện hành về chuẩn chương trình đào tạo;

- Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi chuẩn đầu ra phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá chương trình đào tạo;

- Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

- Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

c) Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. Hiệu trưởng cơ sở đào tạo công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

d) Đối với chương trình đào tạo mới mở ngành, việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

2. Định kỳ tối đa 24 tháng, Đơn vị đào tạo phối hợp với Trung tâm KT&KĐCL đánh giá chất lượng của chương trình (phù hợp với chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, nhu cầu xã hội, tính hiện đại, tính thực tiễn, tính liên thông,...). Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Đơn vị quản lý đào tạo.

3. Căn cứ vào kết quả kiểm định và nhu cầu đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo; Đơn vị quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng xem xét hoàn thiện chương trình đào tạo.

Chương IV

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 21. Quản lý chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra, Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo do Đơn vị đào tạo và Đơn vị quản lý đào tạo lưu giữ (Đơn vị quản lý chương trình đào tạo).

2. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo có quyền hạn và trách nhiệm như sau:

a) Lưu giữ Chuẩn đầu ra, Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo;

b) Công khai Chuẩn đầu ra và Bản mô tả chương trình đào tạo lên trang thông tin điện tử của Nhà trường;

c) Tổ chức xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo ít nhất 2 năm một lần; phân công các Đơn vị đào tạo và Đơn vị phụ trách các học phần/Modul;

d) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 22. Quản lý học phần

1. Mỗi học phần do một Đơn vị đào tạo duy nhất có chuyên môn phù hợp quản lý và được gán một mã học phần do Nhà trường quy định.

2. Đề cương chi tiết học phần được lưu trữ tại Đơn vị đào tạo phụ trách học phần và Đơn vị quản lý đào tạo.

3. Đơn vị quản lý đào tạo có trách nhiệm rà soát và tập hợp các đề nghị phân công đơn vị phụ trách học phần từ Đơn vị đào tạo, và Hội đồng xây dựng/cập nhật chương trình đào và trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định phân công quản lý học phần/modul.

4. Việc rà soát, điều chỉnh phân công đơn vị quản lý học phần được thực hiện khi có yêu cầu của Đơn vị đào tạo và định kỳ vào tháng 3 hàng năm.

5. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm quản lý học phần được phân công theo quy định phân cấp quản lý đào tạo, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học, sau đại học và các quy định liên quan:

a) Đề nghị và xây dựng đưa vào chương trình đào tạo học phần mới hoặc đề nghị thay thế học phần đã có bằng học phần mới tới Hội đồng xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo;

b) Rà soát, đánh giá và cập nhật đề cương học phần hiện có khi có yêu cầu của Đơn vị quản lý đào tạo;

c) Cung cấp đề cương chi tiết học phần cho người học ngay buổi lên lớp đầu tiên và cập nhật lên hệ thống thông tin quản lý dạy-học và giám sát thực hiện kế hoạch dạy-học của Nhà trường;

d) Tổ chức dạy-học; lượng giá người học theo đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt.

Điều 23. Dừng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo bị dừng thực hiện nếu rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

a. Liên tiếp trong 3 năm không tuyển sinh được hoặc số lượng tuyển sinh không đủ điều kiện mở lớp;

b. Chương trình đào tạo được kiểm định không đạt và không đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;

c. Ngành, chuyên ngành đào tạo bao hàm chương trình đào tạo bị cơ quan quản lý đình chỉ tuyển sinh hoặc thu hồi quyết định tuyển sinh;

d. Hiệu trưởng quyết định dừng chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

Điều 24. Tiếp tục chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được tiếp tục thực hiện nếu đạt được một trong các trường hợp sau:

a. Xã hội tiếp tục có nhu cầu về chương trình đào tạo (thông qua khảo sát) nếu lý do dừng được nêu ở mục a, khoản 1 điều 23 của Quy định này;

b. Các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình được tăng cường đáp ứng quy định nếu lý do dừng được nêu ở mục b, khoản 1 điều 23 của Quy định này;

c. Ngành/Chuyên ngành đào tạo ban hành chương trình đào tạo được cơ quan quản lý cho phép tuyển sinh trở lại nếu lý do dừng được nêu ở mục c, khoản 1 điều 23 của Quy định này;

2. Hiệu trưởng quyết định tiếp tục chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25: Kinh phí tổ chức triển khai hoạt động

1. Nguyên tắc

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch rà soát, đánh giá và đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo. Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng và trình phê duyệt dự toán triển khai hoạt động theo quy định.

2. Nội dung và định mức chi

Nội dung chi gồm: Hoạt động rà soát, đánh giá; Khảo sát xin ý kiến phản hồi của các bên liên quan; Hội thảo xin ý kiến; Xây dựng mới/cập nhật chỉnh sửa Chuẩn đầu ra, Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần; Hội đồng thẩm định; Các chi phí khác liên quan đến hợp triển khai hoạt động và in ấn tài liệu chương trình đào tạo.

Định mức chi: được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

3. Nguồn chi

Nguồn kinh phí chi hoạt động xây dựng, thẩm định, ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo từ nguồn thu học phí và nguồn thu hợp pháp khác của Nhà trường.

Điều 26: Chế độ lưu trữ hồ sơ chương trình đào tạo

1. Lưu trữ hồ sơ xây dựng và hoàn thiện Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

- Đơn vị đào tạo có trách nhiệm lưu trữ minh chứng liên quan về việc xây dựng và hoàn thiện Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo gồm: Kế hoạch tổ chức thực hiện; Tài liệu liên quan đến Hội đồng xây dựng và thẩm định; Tài liệu tham khảo, đối sánh; Biểu mẫu và kết quả khảo sát xin ý kiến của các bên liên quan; Biên bản các phiên họp góp ý và Hội thảo xin ý kiến góp ý; Bản chính quyết định và Chuẩn đầu ra công bố.

- Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm lưu trữ: Bản gốc hồ sơ thẩm định chuẩn đầu ra cấp trường (Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Bản nhận xét của thành viên hội đồng, Phiếu đánh giá Hội đồng thẩm định, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Hội đồng thẩm định); Bản sao các minh chứng liên quan

trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra; Bản chính quyết định và bản gốc chuẩn đầu ra công bố.

2. Lưu trữ hồ sơ xây dựng và hoàn thiện Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần.

- Đơn vị đào tạo có trách nhiệm lưu trữ minh chứng liên quan về việc xây dựng và hoàn thiện bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần gồm: Kế hoạch tổ chức thực hiện; Tài liệu liên quan đến Hội đồng xây dựng và thẩm định; tài liệu tham khảo; Biểu mẫu và kết quả khảo sát xin ý kiến của các bên liên quan; Biên bản các phiên họp góp ý và Hội thảo xin ý kiến góp ý; Bản chính quyết định ban hành và Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần hoàn thiện được ban hành.

- Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm lưu trữ: bản gốc hồ sơ thẩm định bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần cấp trường (Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Bản nhận xét của thành viên hội đồng, Phiếu đánh giá Hội đồng thẩm định, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Hội đồng thẩm định); Bản sao các minh chứng liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra; Bản chính quyết định ban hành; Bản gốc Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần hoàn thiện được ban hành.

Điều 27: Chế độ báo cáo và công khai thông tin

1. Hằng năm, Nhà trường có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo các yêu cầu sau:

a) Thông tin chung về chương trình đào tạo bao gồm: tên chương trình đào tạo, địa điểm thực hiện chương trình đào tạo, yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo, tình trạng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

b) Tác động đánh giá chương trình và đánh giá chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đến cải tiến chất lượng của các chương trình đào tạo;

c) Nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm; phân tích số lượng và phân bổ giảng viên, giảng viên có trình độ chuyên môn liên quan đến ngành; ngân sách và nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đào tạo.

2. Báo cáo về chương trình đào tạo được thực hiện theo hình thức văn bản và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Hiệu trưởng cơ sở đào tạo, tính chính xác và chất lượng báo cáo.
4. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo theo các yêu cầu sau:
 - a) Thông tin chung về chương trình gồm chương trình áp dụng đối với khóa tuyển sinh cụ thể; hình thức, phương thức và thời gian đào tạo; các thông tin theo các yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo;
 - b) Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, những cải tiến chương trình đào tạo đã thực hiện trong vòng 5 năm liên trước để nâng cao chất lượng đào tạo;
 - c) Tình trạng kiểm định của các chương trình đào tạo đang thực hiện tại cơ sở đào tạo.

Điều 28: Tổ chức thực hiện

1. Phòng Quản lý Đào tạo được giao là đơn vị đầu mối tham mưu Ban Giám hiệu trong công tác xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc các Đơn vị đào tạo triển khai kế hoạch xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo theo kế hoạch và hướng dẫn các đơn vị đào tạo thực hiện quy định này.
2. Đơn vị đào tạo căn cứ vào Quy định này thực hiện việc xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp với quy định hiện hành và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.
3. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm tổ chức triển khai và giám sát quy trình đào tạo sau khi chương trình đào tạo được phê duyệt.
4. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với Đơn vị đào tạo lập kế hoạch đảm bảo chất lượng trong quá trình triển khai chương trình đào tạo; định kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.
5. Thư viện phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo và Đơn vị đào tạo lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo quản lý tại thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo chương trình đào tạo.

Điều 28: Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2021.
2. Quy định này thay thế Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của trường Đại học Y Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội.
3. Các chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội tiếp tục thực hiện cho các khóa đã tuyển sinh và nhập học trước ngày 01 tháng 01 năm 2022. Đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2022, chương trình đào tạo thực hiện theo quy định này.
4. Việc mở các chương trình đào tạo mới tại các cơ sở đào tạo phải thực hiện theo Quy định này kể từ thời điểm Quy định có hiệu lực thi hành.
5. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Phòng Quản lý Đào tạo Đại học/Sau đại học để báo cáo Hiệu trưởng xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1 – MẪU CHUẨN ĐẦU RA ÁP DỤNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(ban hành kèm theo quyết định số 5044 /QĐ-ĐHYHN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHYHN ngày tháng năm 20.. của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

Tên ngành đào tạo: ...
 Tên ngành tiếng Anh: ...
 Mã ngành: ...
 Trình độ đào tạo: Đại học
 Hình thức đào tạo: ...
 Thời gian đào tạo: ...
 Bậc đào tạo: ... (theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam)
 Loại chương trình đào tạo: ...

(định hướng nghiên cứu/ ứng dụng /nghề nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung

...

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

K1. ...

K2. ...

...

Kỹ năng

S1. ...

S2. ...

...

Thái độ

A1. ...

A2. ...

...

2. Chuẩn đầu ra

Áp dụng một trong hai cách:

(1) áp dụng xây dựng theo từng lĩnh vực năng lực trong chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản Việt Nam (nếu có).

(2) áp dụng theo 3 lĩnh vực và bậc học quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ.

2.1. Lĩnh vực 1 (Ví dụ: “Lĩnh vực Kiến thức” nếu áp dụng theo cách 2)

- PLO 1 ...

...

2.2. Lĩnh vực 2 (Ví dụ: “Lĩnh vực Kỹ năng” nếu áp dụng theo cách 2)

- PLO ...

...

2.3. Lĩnh vực ...

- PLO ...

...

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

(theo vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp)

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

(bậc học có thể học được ngay sau khi tốt nghiệp)

5. Các chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn trong nước và quốc tế tham khảo

- Trong nước

...

- Nước ngoài

...

HIỆU TRƯỞNG

BUL

Mức độ đáp ứng của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

PLO	Kiến thức					Kỹ năng							Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	...	...	S1	S2	S3	S4	S5	...	A1	A2	A3	A4	
PLO1:																
PLO2:																
...																

Dùng “X” đánh dấu vào vị trí ô trong bảng

Khung bậc 6

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm
K1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo K2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật K3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc K4: Kiến thức về lập kế hoạch tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể K5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	S1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp S2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. S3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. S4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm S5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp S6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	A1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định A3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân A4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Khung bậc 7

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm
K1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. K2: Kiến thức liên ngành có liên quan. K3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	S1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. S2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. S3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. S4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. S5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	A1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. A2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. A3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. A4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Mối liên hệ chuẩn đầu ra và các mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo														
	Kiến thức					Kỹ năng					Thái độ				
PLO1:															
PLO2:															
...															
PLOn:															

Dùng “X” đánh dấu vào vị trí ô trong bảng

Đối sánh chuẩn đầu ra tham khảo cùng ngành đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT Trường Đại học Y Hà Nội xây dựng	Trường đại học tham khảo trong nước/nước ngoài			
	...		...	...
1. Lĩnh vực 1				
PLO1:				
PLO2:				
...				
2. Lĩnh vực 2				
PLO.:				
...				

**Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với tầm nhìn, sứ
mạng của Nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động**

Chuẩn đầu ra CTĐT	Tầm nhìn, sứ mạng của Trường	Yêu cầu của các bên liên quan
1. Lĩnh vực 1		
PLO1:	4,55	4,33
PLO2:		
...		
2. Lĩnh vực 2		
PLO.:		
...		

(Thực hiện sau khi khảo sát xin ý kiến các bên liên quan về CDR)

**Mẫu PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN VỀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ... – TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Kính gửi

Trường Đại học Y Hà Nội đang xây dựng/rà soát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành ..., Trường Đại học Y Hà Nội gửi tới Thầy Cô/Anh Chị phiếu khảo sát về Chuẩn đầu ra sau khi xây dựng/cập nhật điều chỉnh. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý Thầy Cô/ Anh Chị để Trường hoàn thiện CĐR ngành...

Xin trân trọng cảm ơn!

Link khảo sát online kèm theo mã QR code (nếu xin ý kiến trực tuyến)

A. THÔNG TIN CHUNG

A1	Họ và tên người cung cấp thông tin:	
A2	Đơn vị công tác:	
A3	Lĩnh vực chuyên môn:	
A4	Chức danh nghề nghiệp:	
A5	Trình độ chuyên môn:	☐ Tiến sĩ ☐ Thạc sĩ ☐ Đại học

B. DỰ THẢO CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ...

Hướng dẫn đánh giá:

1. Đánh giá mức độ **phù hợp** của Chuẩn đầu ra chương trình Hộ sinh, vui lòng hãy khoanh tròn/chọn một trong 5 số thích hợp từ số 1 đến số 5 tương ứng với các mức độ:

1 = Hoàn toàn không đồng ý

2 = Không đồng ý

3 = Phân vân, cần điều chỉnh

4 = Đồng ý

5 = Hoàn toàn đồng ý

2. Đánh giá mức độ đáp ứng với Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, vui lòng hãy khoanh tròn/chọn một trong 5 số thích hợp từ số 1 đến số 5 tương ứng với các mức độ:

1 = Hoàn toàn không đáp ứng

2 = Không đáp ứng

3 = Đáp ứng một phần

4 = Đáp ứng đầy đủ

5 = Vượt hơn yêu cầu

Nội dung Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường:

<https://drive.google.com/file/d/1MQqUtdbGmcNJzSsfwMWbUea0fmmbwDWi/view?usp=drivesdk>

Xin vui lòng đưa ra ý kiến chỉnh sửa/điều chỉnh vào mục Ý KIẾN CHỈNH SỬA trong các câu trả lời nếu có:

	Nội dung CDR	1. Mức độ phù hợp (1-5)	2. Mức độ đáp ứng với tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường (1-5)	Ý kiến chỉnh sửa
I. Lĩnh vực 1. ...				...
PLO1				
PLO2				
...				
II. Lĩnh vực 2. ...				

Ý kiến đóng góp chung cho toàn bộ CDR (nếu có)

Trân trọng cảm ơn Thầy Cô và Anh Chị đã tham gia đóng góp ý kiến

Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra với Chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản Việt Nam
(áp dụng đối với ngành đã có chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản)

Chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản	PLO1	PLO2	PLO3	...		PLOn
Lĩnh vực 1						
Chuẩn 1						
Chuẩn 2						
.....						
Lĩnh vực 2						
Chuẩn ...						
....						

Dùng “X” đánh dấu vào vị trí ô trong bảng

PHỤ LỤC 2 – MẪU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(ban hành kèm theo quyết định số 5044 /QĐ-ĐHYHN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (BẢN MÔ TẢ CTĐT)

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHYHN ngày tháng năm 20.. của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Hà Nội
- Tên ngành đào tạo: (ví dụ Y khoa)
- Tên ngành tiếng Anh: (ví dụ Medicine)
- Mã ngành: (ví dụ 7720101)
- Tên chương trình đào tạo: (ví dụ Bác sĩ y khoa)
- Mã chương trình đào tạo: (ví dụ HMU-MD)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại chương trình đào tạo: (định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp)
- Hình thức đào tạo: (Chính quy/VLVH)
- Phương thức tổ chức đào tạo: Tổ chức đào tạo theo tín chỉ/niên chế
- Thời gian đào tạo: năm
- Văn bằng tốt nghiệp: (ví dụ Bác sĩ y khoa)
- Bậc học sau khi tốt nghiệp: Bậc (theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam)
- Ngôn ngữ đào tạo: (ví dụ Tiếng Việt)
- Yêu cầu Ngoại ngữ: (với các chương trình có dạy học bằng tiếng nước ngoài bao gồm đầu vào và đầu ra)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung (mục tiêu tổng quát)

Yêu cầu viết mục tiêu theo từng chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp

AVC

2.2. Mục tiêu cụ thể

Yêu cầu viết cụ thể theo 3 lĩnh vực:

2.2.1. Kiến thức

....

2.2.2. Kỹ năng

....

2.2.3. Thái độ

....

Lưu ý: Đánh số mục tiêu theo 3 lĩnh vực

Gắn kết mục tiêu chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Chiến lược
K1:			
A2:			
...			
:			

3. Chuẩn đầu ra

Yêu cầu: Theo hướng dẫn viết chuẩn đầu ra

4. Chuẩn đầu vào

*Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về **trình độ, năng lực, kinh nghiệm** mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.*

5. Đối tượng tuyển sinh

Điều kiện tuyển sinh: Tuyển sinh thông qua kỳ thi tuyển sinh quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Y Hà Nội

Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp THPT,

6. Điều kiện tốt nghiệp

Quy định liên quan đến người học hoàn thành chương trình đào tạo

7. Khung chương trình đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: ... tín chỉ, nêu rõ: không tính khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

- Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
I	Kiến thức giáo dục đại cương *					
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
1	Kiến thức cơ sở ngành					
2	Kiến thức ngành và chuyên ngành					
3	Kiến thức tự chọn					
III	Tốt nghiệp					
Tổng cộng		...	...(%)	...(%)	...(%)	...(%)

* Chưa tính khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
1	Triết học Mác – Lênin					
..	...					
	Giáo dục thể chất*					
	Giáo dục quốc phòng – An ninh*					

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
I. Kiến thức cơ sở ngành						
...	...					
...	...					
II. Kiến thức ngành và chuyên ngành						
...	...					

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
...	...					
III. Kiến thức tự chọn (nêu cụ thể các hình thức tự chọn....)						
...	...					
...	...					

7.3. Tốt nghiệp

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
...	...					
...	...					

8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo, nêu rõ điều kiện tiên quyết học phần trong chương trình đào tạo.

9. Tiến trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy chuẩn

9.1. Tiến trình đào tạo

Thể hiện theo sơ đồ/ lược đồ thể hiện mối liên quan khối kiến thức và học phần theo thời gian.

9.2. Kế hoạch dạy học chuẩn

Theo từng kỳ/theo năm/giai đoạn

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1									
..									
Tổng số tín chỉ									/

10. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo

10.1. Danh mục phương pháp dạy học

Các phương pháp dạy học áp dụng trong chương trình đào tạo theo từng lĩnh vực

- Kiến thức:
- Thực hành:
- Lâm sàng:
- Cộng đồng:

(Liệt kê đầy đủ, viết đúng tên gọi của phương pháp dạy học theo quy định của Trường)

10.2. Đối sánh chuẩn đầu ra và phương pháp dạy học

PP giảng dạy PLO	LEC	...				
PLO1						
PLO2						
...						
PLO...						

Dùng “X” đánh dấu vào vị trí ô trong bảng

11. Phương thức đánh giá, lượng giá trong chương trình đào tạo

11.1. Các phương pháp lượng giá, đánh giá

(Liệt kê đầy đủ, viết đúng tên gọi của phương pháp lượng giá theo quy định của Trường)

11.2. Xác định phương pháp lượng giá, đánh giá theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PP lượng giá PLO	...	...				
PLO1						
PLO2						
...						
PLO...						

11.3. Tổ chức lượng giá, đánh giá trong quá trình đào tạo

Nêu rõ thời điểm lượng giá trong chương trình đào tạo: đánh giá học phần, đánh giá từng giai đoạn, đánh giá kết thúc (tốt nghiệp)

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Hướng dẫn thực hiện kế hoạch dạy học theo từng năm/học kì/tuần.
- Quy trình sinh viên đăng kí học tập trước khi bắt đầu mỗi học kì và năm học (Áp dụng đối với các chương trình đào tạo có yêu cầu bổ sung so với quy định trong quy chế đào tạo).
- Hướng dẫn thực hiện đối với mỗi loại học phần (Lý thuyết/ Thực hành/ Lâm sàng/ Thực tập cộng đồng).

13. Chương trình, tài liệu, chuẩn tham khảo

- *Chương trình đào tạo tham khảo trong nước và quốc tế đã được kiểm định*
- *Tài liệu tham khảo: Văn bản viện dẫn, quy định, quy chế, ...*
- *Chuẩn chương trình đào tạo trong nước và quốc tế được tham khảo: ...*

14. Các nội dung đối sánh và tham chiếu

Đóng góp các học phần vào việc đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ma trận chuẩn đầu ra và học phần, các ma trận đối sánh chuẩn đầu ra ...): Các nội dung đối sánh: Chuẩn đầu ra và học phần (Ma trận các học phần thể hiện sự phân bổ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào các học phần liên quan nhằm thể hiện rõ những chuẩn đầu ra do từng học phần đảm trách). Ma trận các học phần và năng lực tích lũy, đồng thời thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển các chuẩn đầu ra.

Các nội dung tham chiếu, đối sánh trong trường và ngoài trường về chương trình đào tạo (phụ lục đính kèm): Bản đối sánh chương trình đào tạo với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế (1) cùng ngành/chuyên ngành/bậc đào tạo; (2) các chương trình cùng trình độ/ nhóm ngành/ lĩnh vực trong cơ sở đào tạo.

(kết thúc Bản mô tả tóm tắt chương trình đào tạo)

15. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Báo cáo tổng hợp đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ đào tạo của ngành; danh sách, số lượng giảng viên, chuyên môn được đào tạo của giảng viên trình độ tiên sĩ đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình đào tạo của ngành (theo quy định mở ngành đào tạo).

Danh sách giảng viên: theo mẫu 1; mẫu 2.

(Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe)

16. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học: Số đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo.

Có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo (*đường link truy cập cơ sở dữ liệu ...*)

Có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo (*đường link truy cập cơ sở dữ liệu ...*)

Báo cáo cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo. Tổng hợp theo mẫu 4.

Báo cáo phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học;

Tổng hợp theo mẫu 3; mẫu 5.

Có hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo...

Trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Báo cáo các điều kiện của Trường thể hiện đã đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

17. Cơ sở thực tập lâm sàng (bệnh viện thực hành) và thực tế cộng đồng

Tổng hợp các cơ sở thực hành có đủ điều kiện: có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối

ngành sức khỏe (đáp ứng Nghị định 111).

Số TT	Tên cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ	Số Quyết định/Hợp đồng	Ngày tháng năm	Cơ sở thực hành chính/khác
1	BV Bạch Mai				
2	..				

HIỆU TRƯỞNG

Đề cương chi tiết học phần
(Đóng kèm toàn bộ đề cương các học phần trong CTĐT)

Ma trận quan hệ giữa các học phần và các PLO

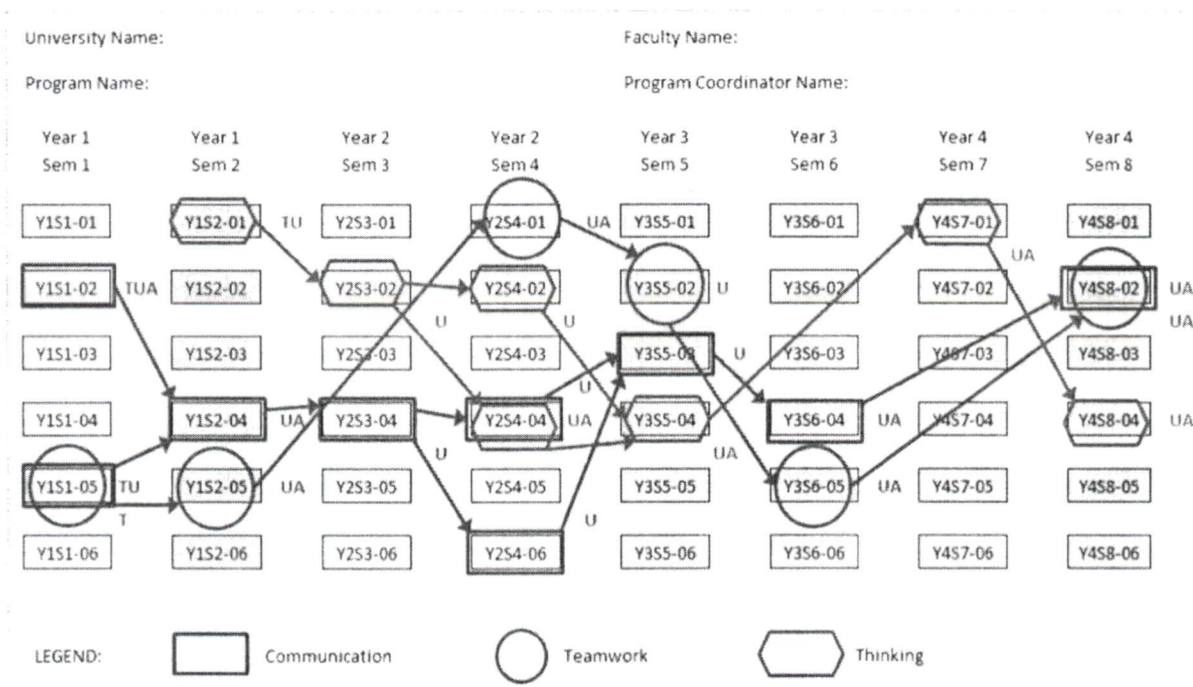
Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	...		PLOn
Học phần 1						
Học phần 2						
Học phần 3						
....						

(Mức độ liên quan giữa nội dung với PLOs: H (High) = Cao; M (Medium) = Trung bình, L (Low) = thấp)

Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn kỹ năng của chương trình đào tạo

Học phần Tên học phần	Kỹ năng 1	Kỹ năng 2	Kỹ năng 3	Kỹ năng 4	Kỹ năng 5	Kỹ năng 6	Kỹ năng 7	Kỹ năng 8				
- Học phần 1												
- Học phần 2												
- Học phần 3												
- ...												

Mức độ thực hiện được trong từng học phần theo bảng hướng dẫn mức độ đạt được theo năng lực:



Hoặc của mức học tập (mức năng lực đạt được)

(1) So sánh CTĐT với các CTĐT tham khảo các Trường cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước.

(2) So sánh các chương trình đào tạo cùng trình độ/ nhóm ngành/ lĩnh vực trong cơ sở đào tạo (so sánh cụ thể các học phần chung)

CTĐT Trường Đại học Y Hà Nội xây dựng	Trường đại học tham khảo trong nước/nước ngoài			
	Trường...	Trường...	Trường...	...
	Số TC (tỷ lệ %)	Số TC (tỷ lệ %)	Số TC (tỷ lệ %)	
Kiến thức giáo dục đại cương				
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
Kiến thức cơ sở ngành				
Kiến thức ngành và chuyên ngành				
Kiến thức tự chọn				
Tốt nghiệp				
Thông tin khác				

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo

[illegible]

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A	Hóa sinh	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...								

Mẫu 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					

1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 4: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Mẫu 5: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, thực tập, trung tâm tiền lâm sàng và danh mục trang thiết bị

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Phòng thực hành ...							
1.1	Tên máy ...							
...								
2.	Phòng thực tập ...							
...								

Lưu ý: tách theo nhóm từng phòng thí nghiệm/

PHỤ LỤC 3 – MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(ban hành kèm theo quyết định số 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Mã ngành:

Tên chương trình đào tạo:

Mã chương trình đào tạo:

Trình độ đào tạo Đại học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: (tiếng Việt/tiếng Anh)...
- Mã học phần: (theo quy định của Trường)
- Số tín chỉ:.....(LT:....., TH:....., Lâm sàng:....., TT cộng đồng:)
- Số tiết:(LT:....., TH:....., Lâm sàng:....., TT cộng đồng:)
- Thời điểm giảng dạy trong tiến trình: ... (cụ thể học kỳ/năm học)
- Điều kiện tiên quyết (yêu cầu đầu vào): ...
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): ...
- Đơn vị tham gia giảng dạy: ...

2. Mô tả tóm tắt học phần (đặc điểm chuyên môn)

(Tóm tắt nội dung chính, vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT, phương pháp dạy và học, năng lực kỳ vọng người học đạt được khi kết thúc học phần, phương pháp lượng giá, đánh giá,...)

.....

.....

(tối đa 300 chữ tương đương 15 dòng)

3. Chuẩn đầu ra của học phần (yêu cầu đầu ra)

CLO1. ...

CLO2. ...

CLO3. ...

.....

Liên quan giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
CLO1		H								M												
CLO2																						
CLO3				M																		
...						L																

(Mức độ liên quan giữa CLO với PLO: H (High) = Cao;

M (Medium) = Trung bình, L (Low) = thấp)

4. Mục tiêu học tập học phần:

Mục tiêu chung: (viết ngắn gọn trong một đoạn văn ngắn)

Mục tiêu cụ thể: Sau khi học, sinh viên có khả năng:

Kiến thức

K1. ...

K2. ...

...

Kỹ năng

S1. ...

S2. ...

...

Thái độ

A1. ...

A2. ...

...

5. Nội dung học phần

5.1. Cấu trúc nội dung dạy học

Stt	Chủ đề/Bài học	Phân bổ thời gian (tiết)	
		Dạy học trực tiếp	Tự học có hướng dẫn

		LT	TH	LS	CĐ	LT	LS	CĐ
1	Chủ đề 1. ... - Bài 1. ... - Bài 2.	10		8				
2	Chủ đề 2.							
...								
	Tổng số tiết	...	...	...	...	...	...	...

Hướng dẫn: Số tiết tự học có hướng dẫn thuộc tổng số tiết của học phần, được tính giờ giảng như giảng dạy trực tiếp. Không áp dụng đối với nội dung thực hành.

5.2. Liên quan (kết nối) nội dung dạy học với chuẩn đầu ra học phần

Chủ đề/Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần		
	CLO1	CLO2	..
Chủ đề 1. ...	H	L	M
Chủ đề 2. ...			
...			

(Mức độ liên quan giữa nội dung với CLOs: H (High) = Cao; M (Medium) = Trung bình, L (Low) = thấp)

5.3. Danh mục các kỹ năng và mức độ đạt của từng kỹ năng (áp dụng cho các học phần có nội dung dạy học thực hành, lâm sàng)

TT	Tên kỹ năng	Mức độ đạt (tích dấu X vào cột tương ứng)			Địa điểm giảng dạy
		TH có GV hướng dẫn	Làm đúng	Làm thành thạo	
1.					Lab ...
2.					Lab tiền lâm sàng

3.					Bệnh viện/TTCD
...					

Dùng “X” đánh dấu vào vị trí ô trong bảng

6. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: sử dụng các phương pháp giảng dạy ...
- Thực hành: ...
- Lâm sàng: ...

6.1. Cơ cấu bài giảng theo phương pháp dạy học

TT	Chủ đề/Nội dung	Phương pháp dạy học(tích X)										
		Lý thuyết			Thực hành						Lâm sàng	CD
		LEC	SEM	...	...	...	...	...	...	...		
1.	Chủ đề 1. ...	x										
2.	Chủ đề 2. ...											
3.	...											

Ghi chú: thành phần chính, cốt lõi, mỗi nội dung có thể gồm nhiều bài và sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau (phương pháp dạy học theo quy định của Trường).

6.2. Liên quan phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học		CLO1	CLO2	...	...
Thuyết trình		LEC	H		
...					

(Mức độ liên quan giữa CLO với PLO: H (High) = Cao; M (Medium) = Trung bình, L (Low) = thấp)

Ghi chú: Tên gọi phương pháp dạy – học theo đúng quy định của Trường (trong danh mục phương pháp dạy học nêu trong chương trình đào tạo ngành)

7. Kế hoạch giảng dạy học phần

7.1. Tiến trình giảng dạy

TT	Mã bài giảng	Tên bài giảng	Số tiết	Địa điểm giảng	Bộ môn giảng dạy
1	LEC01	...	2	Giảng đường	Giải phẫu
2	LAB01	...	4	Phòng TH...	...

3	LEC02	...	...	Tự học	...
...					
Cộng			...	/	/

- Số bài giảng LEC/số tiết: 5/10
- Số bài giảng TBL/số tiết: 5/10
- ...
- Số buổi thực tập/số tiết: ...

7.2. Lâm sàng/ cộng đồng (nếu có)

7.2.1. Danh mục vấn đề lâm sàng cốt lõi

TT	Mã bệnh/ vấn đề	Tên bệnh/vấn đề
1		
2		
3		
...		

(Theo danh mục của Cục Quản lý khám chữa bệnh - Bộ Y tế đã ban hành)

7.2.2. Kế hoạch giảng dạy lâm sàng

* Chia nhóm, luân khoa/viện: mô tả chia bao nhiêu nhóm, học tại các BV/Khoa nào? thời gian học mỗi khoa/phòng?

(Ví dụ có thể mô tả bằng bảng)

Tuần \ Nhóm	1	2	3	4	5	6	7	8	...
	Khoa 1		Khoa 2		Khoa 3		Khoa 4		
1	...								
2									
...									

7.2.3. Chỉ tiêu thực hành lâm sàng

TT	Tên chỉ tiêu	Số lần thực hiện	Số lần quan sát
----	--------------	------------------	-----------------

1	Thở oxy	5	
2	Bóp bóngambu	2	
3	Ép tim ngoài lồng ngực		1
...	...		

7.3. Hướng dẫn thực hiện nội dung tự học (nếu có)

7.3.1. Nội dung lý thuyết tự học

- Cách thức trao đổi giữa giảng viên và sinh viên.
- Cách thức lượng giá cuối bài.
- Tổng thời lượng tự học lý thuyết có hướng dẫn tối đa không quá 15% tổng thời lượng lý thuyết.

7.3.2. Nội dung lâm sàng tự học

- Xác định rõ nội dung tự học của sinh viên trong từng vấn đề.
- Tổng thời lượng tự học lâm sàng có hướng dẫn tối đa không quá 50% tổng thời lượng học lâm sàng.

7.3.3. Nội dung thực tế cộng đồng tự học

- Xác định nội dung, thời điểm trong kế hoạch giảng dạy thực tế cộng đồng.
- Tổng thời lượng tự học thực tế tại cộng đồng có hướng dẫn tối đa không quá 50% tổng thời lượng dành cho nội dung giảng dạy tại cộng đồng.

8. Phương pháp lượng giá

Số đầu điểm của học phần (điểm LT và TH chung 1 đầu điểm hoặc riêng điểm LT/ riêng điểm TH), bao gồm: tỷ trọng các thành phần, hình thức lượng giá và thời điểm lượng giá của từng điểm thành phần

(Theo tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch lượng giá người học dựa trên chuẩn đầu ra)

8.1. Các phương pháp lượng giá

8.1.1. Lượng giá kiến thức (theo thang đo của Bloom, 2001)

Chuẩn đầu ra học phần/module	Mức độ đạt chuẩn	C1 (Nhớ)	C2 (Hiểu)	C3 (Áp dụng)	C4 (Phân tích)	C5 (Đánh giá)	C6 (Sáng tạo)	Ghi chú

CLO1	C3	Không áp dụng	MCQ	Case	Case	Không áp dụng	Không áp dụng	
CLO2								
...								

8.1.2. Lượng giá kỹ năng (theo thang đo của Hauenstein, 1972)

Chuẩn đầu ra học phần/module	Mức độ đạt chuẩn	P1 (Làm theo có hướng dẫn)	P2 (Làm theo không có hướng dẫn)	P3 (Làm chính xác)	P4 (Linh hoạt)	P5 (Tự nhiên)	Ghi chú
CLO1	P3			X			
KN1...							
KN2...							
...							
CLO2							
...							

(Xác định mức đạt chuẩn cho từng kỹ năng cụ thể theo từng CLO)

8.1.3. Lượng giá thái độ (theo thang đo độ của Krathwohl và cs., 1960)

Chuẩn đầu ra học phần/module	Mức độ đạt chuẩn	A1 (Tiếp nhận)	A2 (Phản ứng)	A3 (Đánh giá quan trọng)	A4 (Thể hiện hành động)	A5 (Nội tâm hóa)	Ghi chú
CLO1							
CLO2							
...							

8.2. Tổng hợp phương pháp, hình thức, và đánh giá

Hình thức đánh giá/lượng giá	Tổng thời lượng đánh giá (phút)	Thời điểm đánh giá	Tỉ trọng (%) điểm kết thúc học phần
------------------------------	---------------------------------	--------------------	-------------------------------------

1. Lượng giá kiến thức			
1.1. Lượng giá quá trình (formative assessment)			
1.1.1. Lượng giá quá trình phân lý thuyết - TBL1 - SEM1 - TBL2 - ...			
1.1.2. Lượng giá thực hành - LAB1 - LAB2 - ...			
1.2. Lượng giá kết thúc (summative assessment)	Ghi rõ số phút (tính theo số tín chỉ như quy định thi)		
2. Lượng giá kỹ năng			
2.1. Lượng giá quá trình (formative assessment)			
2.2. Lượng giá kết thúc (summative assessment)	Ghi rõ số phút cho từng phần thi		

Cách thực hiện:

- ☐ Liệt kê tất cả những hình thức lượng giá có tính điểm
- ☐ Ghi rõ thông tin về thời lượng đánh giá, thời điểm đánh giá, tỷ trọng của từng phần.

8.3. Test Blueprint cho lượng giá kiến thức kết thúc học phần

Chuẩn đầu ra học phần/module	Mức độ đạt chuẩn	Thời lượng dạy học	Tỷ lệ % so với tổng thời gian dạy học	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Ghi chú
CLO1										
CLO2										
...										
Tổng			100%							

Cách thực hiện

- Xác định những nội dung sẽ lượng giá kiến thức
- Xác định thời lượng dạy học cho từng nội dung kiến thức theo từng chuẩn.

9. Tài liệu dùng cho dạy và học

9.1. Giáo trình

- (1) Chủ biên (năm xuất bản), tên sách, nhà xuất bản
- (2) ...

9.2. Tài liệu tham khảo

- (1) Chủ biên (năm xuất bản), tên sách, nhà xuất bản
- (2) ...

10. Vật liệu dạy học

- Video ...
- Kế hoạch bài giảng theo mẫu

11. Điều kiện tổ chức giảng dạy

Nêu rõ điều kiện tổ chức học phần đối với lý thuyết/ thực hành/ lâm sàng/cộng đồng bao gồm: cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, vật liệu/mô hình, phương tiện dạy học; bệnh viện thực hành, yêu cầu về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành; thực tập, yêu cầu về điều kiện giảng dạy thực tập, ...

11.1. Địa điểm tổ chức giảng dạy

- Lý thuyết: ... tiết, học tại ...
- Thực hành: ... tiết học tại ...

- Lâm sàng: ... tiết tại các bệnh viện ...

11.2. Yêu cầu đối với người học

- Các yêu cầu tham gia học tập ...
- Chuẩn bị bài như thế nào ...
- Yêu cầu đối với nội dung tự học ...

12. Giảng viên xây dựng chương trình và biên soạn vật liệu dạy học

TT	Họ tên	Học hàm	Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.					
2.					
...					

* *Trưởng học phần: Họ tên/điện thoại/email*

* *Điều phối viên/Giáo vụ đại học: Họ tên/điện thoại/email*

Ngày tháng năm
TRƯỞNG ĐƠN VỊ



and